

Số: 86 /BC-SNN

Trà Vinh, ngày 28 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 02 Và kế hoạch tháng 03 năm 2018

Trong tháng, sản xuất nông nghiệp của tỉnh gặp một số khó khăn, sau: Do thời tiết lạnh làm ảnh hưởng đến sự phát triển của tôm nuôi và cũng là điều kiện để phát sinh dịch bệnh trong chăn nuôi và cây trồng; giá heo hơi, dừa khô một số loại hoa màu xuống thấp ảnh hưởng đến thu nhập của người dân. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp và địa phương, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên nhìn chung sản xuất có bước phát triển, các công tác chuyên môn tiếp tục thực hiện đạt yêu cầu. Kết quả cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:

a) Nông nghiệp:

- Cây lúa:

+ Lúa mùa: Thu hoạch 755 ha, nâng đến nay thu hoạch 1.290 ha vượt 2,8% kế hoạch, năng suất 4,48 tấn/ha.

+ Vụ Đông Xuân: Xuống giống 5.566 ha, nâng tổng diện tích xuống giống đến nay 66.384 ha (tăng 6.469 ha so cùng kỳ); thực hiện 13 mô hình cánh đồng lớn với diện tích 3.450 ha, hiện lúa chủ yếu đang ở giai đoạn đòng trổ. Diện tích lúa nhiễm sâu bệnh 2.283 ha (tăng 1.858 ha so với tháng trước), gồm: Đạo ôn lá 470 ha, tỉ lệ 5-10% ở các huyện Tiểu Cần, Cầu Ngang, Châu Thành, Trà Cú; Bạc lá 1.655 ha, tỉ lệ 10-20%, cục bộ có 340 ha tỉ lệ 20 - 40% tập trung ở các xã Đa Lộc, Mỹ Chánh, Phước Hảo, Lương Hòa A huyện Châu Thành; Chuột 134,5 ha, tỉ lệ 2,5-5% ở các xã Tập Sơn, Ngãi Xuyên, Tân Hiệp, Long Hiệp huyện Trà Cú và phường 9, Tp. Trà Vinh.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 5.615 ha, nâng tổng số đến nay gieo trồng 15.069 ha giảm 97 ha so cùng kỳ, đạt 27,2% kế hoạch, gồm: Màu lương thực 1.652 ha; màu thực phẩm 9.163 ha; cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 3.550 ha.

Tổ chức ra quân vận động nông dân phòng trừ chuột tại huyện Châu Thành được 19 cuộc với 569 nông dân tham dự; Phối hợp Tập đoàn Lộc Trời tổ chức thăm đồng được 01 cuộc tại huyện Trà Cú với 20 nông dân tham dự; nhân nuôi 2.020 mummy (tương đương 80.800 Oks) và 2.600 bọ đuôi kìm, phóng thích ra tự nhiên. Tiếp tục duy trì nhân nuôi OKS và bọ đuôi kìm trong phòng thí nghiệm.

b) Chăn nuôi:

- Tình hình chăn nuôi: Dịch bệnh trên đàn vật nuôi được kiểm soát, không xảy ra các bệnh truyền nhiễm trên đàn gia súc, gia cầm.

- Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất - nhập tỉnh: Heo 39.371 con; trâu, bò 1.120 con; gia cầm 199.860 con; sản phẩm động vật 65.520 kg. Nâng đến nay kiểm dịch được 58.268 con heo, tăng 39% so cùng kỳ (tương đương tăng 16.420 con; trâu, bò 1.627, tăng 32% so cùng kỳ (tương đương tăng 398 con); gia cầm 311.418, giảm 6% so cùng kỳ (tương đương giảm 21.564 con; sản phẩm động vật 85.392 kg, giảm 22% so cùng kỳ (tương đương giảm 24.616 kg).

- Vận động hộ chăn nuôi tiêm phòng Cúm gia cầm được 94.390 con, bệnh LMLM gia súc 1.488 con, Đại chó, mèo 379 con; tiêm phòng vaccine các bệnh thường xuyên cho 54.924 con gia súc; các loại vaccine khác 213.037 con. Nâng tổng số đến nay, tiêm phòng Cúm gia cầm được 140.770 con, bệnh LMLM gia súc 1.488 con, Đại chó, mèo 528 con; tiêm phòng vaccin các bệnh thường xuyên cho 76.849 con gia súc; các loại vaccine khác 287.547 con.

c) Lâm nghiệp: Chăm sóc diện tích trồng rừng thay thế xã Long Đức, thành phố Trà Vinh; tổ chức 29 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, phát hiện 01 trường hợp vi phạm làm thiệt hại 2,51 m³ chủng loại keo lai ra quyết định xử phạt theo quy định; đã xác nhận 04 bảng kê lâm sản xuất bán động vật hoang dã gồm 08 con Cây Vòi Hương và cấp 01 giấy phép vận chuyển đặc biệt gồm 27 con Cá Sấu nước ngọt; xây dựng kế hoạch tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng năm 2018. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 81 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, phát hiện 02 trường hợp vi phạm, ra quyết định xử phạt theo quy định; đã xác nhận 06 bảng kê lâm sản xuất bán động vật hoang dã gồm: 1.000 con Tắc Kè, 08 con Cây Vòi Hương, 27 con Cá Sấu nước ngọt và 01 bảng kê lâm sản 94,8 m³ gỗ Dầu xuất ra khỏi tỉnh; kiểm tra 133,3 ha rừng phi lao có triệu chứng khô đọt, rû lá ở ấp Hồ Thùng và ấp Phước Thiện xã Đông Hải, huyện Duyên Hải; mức độ thiệt hại khoảng 26%.

d) Diêm nghiệp: Trong tháng diêm dân bán được 652 tấn lượng muối tồn với giá bán bình quân 11.000 đồng. Lượng muối còn tồn trong diêm dân đến nay là 2.101,5 tấn.

e) Thủy sản:

- Nuôi trồng thủy sản: Thả nuôi 5.367 ha, thu hoạch 4.716 tấn (1.921 tấn cá lóc, 340 tấn tôm sú, 1.203 tấn tôm thẻ chân trắng,...). Nâng tổng số đến nay thả nuôi 8.977 ha, thu hoạch 8.822 tấn (3.532 tấn cá lóc, 558 tấn tôm sú, 2.058 tấn tôm thẻ chân trắng,...), đạt 6,95% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 416 tấn, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 233 triệu con tôm sú giống, diện tích 4.792 ha; 300 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 488 ha; 44,7 triệu con cua biển, diện tích 10 ha; thu hoạch 1.737 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 366 triệu con tôm sú giống, diện tích 7.789 ha; 494 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 797 ha; 83 triệu con cua biển, diện tích 195 ha; thu hoạch 3.007 tấn (cao hơn cùng kỳ 578 tấn).

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 8,6 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 77 ha (cá lóc 6,2 triệu con, diện tích 13,7 ha); thu hoạch 2.979 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 19,3 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 195 ha (cá lóc 13,5 triệu con, diện tích 33,25ha); thu hoạch 5.815 tấn, đạt 8,16% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 993 tấn.

- Khai thác thủy sản: Sản lượng 5.542 tấn (1.125 tấn tôm). Nâng tổng số đến nay sản lượng 11.479 tấn (2.238 tấn), đạt 15,4% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 894 tấn, trong đó:

+ Khai thác nội đồng: 1.006 tấn (481 tấn tôm). Nâng tổng số đến nay 1.865 tấn (813 tấn tôm), đạt 16% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 143 tấn.

+ Khai thác hải sản: 4.536 tấn (644 tấn tôm). Nâng tổng số đến nay 9.614 tấn (1.425 tấn tôm), đạt 15,24% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 751 tấn.

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 493 tấn thủy sản (tôm sú 44 tấn, tôm thẻ 315 tấn), chế biến 311 tấn, tiêu thụ 265 tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 2,44 triệu USD. Nâng tổng sản lượng các doanh nghiệp thu mua 805 tấn thủy sản (tôm sú 120 tấn, tôm thẻ 551 tấn), chế biến 483 tấn, tiêu thụ 417 tấn, kim ngạch xuất khẩu 4,14 triệu USD.

- Kiểm dịch 39 triệu con tôm sú giống, 03 triệu con tôm thẻ chân trắng; thực hiện 15 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước phục vụ nuôi thủy sản. Nâng đến nay đã kiểm dịch 194 triệu con tôm sú giống, 30 triệu con tôm thẻ chân trắng, thực hiện 19 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước phục vụ nuôi thủy sản

f) Phát triển nông thôn:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác tuyên truyền, vận động: Tổ chức 40 cuộc lồng ghép tuyên truyền cho 605 lượt người. Nâng tổng số đã tổ chức 425 cuộc lồng ghép tuyên truyền cho 18.666 lượt người; công nhận 146.826 hộ (đạt 65,7% số phát động) và 225 ấp (chiếm 32,9%) đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Đang tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ vốn năm 2018.

+ Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đã tổ chức họp Ban Chỉ đạo tỉnh để bỏ phiếu công nhận 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017, về các địa phương triển khai thực hiện đến nay có 30 xã đạt 19/19 tiêu chí, chiếm 35,3%; 3 xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí, chiếm 3,53%; 27 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí, chiếm 31,76%; 25 xã đạt từ 5 – 9 tiêu chí, chiếm 29,41%.

- Chương trình bố trí dân cư:

+ Thực hiện các dự án: Tiếp tục theo dõi tiến độ thực hiện 02 dự án: Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông bảo vệ 89 hộ dân khu vực thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần đã có chủ trương phân bổ vốn năm 2018 đang lập hồ sơ giải ngân vốn và tổng hợp hồ sơ báo cáo quyết toán khi dự án hoàn thành; dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh xem xét hỗ trợ nguồn vốn để tiếp tục đầu tư các hạng mục còn lại của dự án theo dõi kế hoạch vốn năm 2018; lập hồ sơ giải ngân kế hoạch nguồn vốn năm 2018.

+ Công tác di dời dân: UBND tỉnh đã duyệt chủ trương di dời 08 hộ dân ấp Cồn Trứng, xã Trường Long Hòa vào khu bố trí dân cư vùng thiên tai đang phối hợp với UBND xã triển khai bước tiếp theo; các hộ dân ở xã Trường Long Hòa đã xây dựng nhà hoàn thành và chuyển vào ở ổn định cuộc sống vui tươi đón Tết Nguyên đán Mậu Tuất.

- Xây dựng Kế hoạch tập huấn 27 lớp cho các HTX (10 lớp thành lập mới và 17 lớp củng cố các hợp tác xã).

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Trong tháng, đã lắp đặt cho 630 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đến nay đã cung cấp cho 107.666 hộ.

2. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác quy hoạch: Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán 02 dự án quy hoạch, gồm: Quy hoạch khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Quy hoạch vùng sản xuất lúa hữu cơ tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

b) Tham mưu xử lý, ban hành văn bản: Xây dựng và ban hành kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2018, dự thảo Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 và Kế hoạch chuyển đổi sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất gắn với xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế hợp tác trên địa bàn tỉnh năm 2018 và những năm tiếp theo (đến năm 2020); tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững và báo cáo tình hình trước, trong và sau tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018.

c) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

- Chi đạo Chi cục Thủy lợi kết hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Châu Thành, UBND xã Long Hòa khảo sát vị trí đất để xây dựng nhà Trách trú bão cộng đồng.

- Xử lý mặt bằng còn vướng và điều chỉnh vị trí tim tuyến hồ đê số 01 công trình Đê ven cửa sông Cổ Chiên bảo vệ khu dân cư thị trấn Mỹ Long huyện Cầu Ngang tỉnh Trà Vinh (Giai đoạn 2).

- Tình hình triều cường: Do ảnh hưởng của triều cường kết hợp với sóng to, gió lớn làm thiệt hại 03 tuyến đê, kè như sau:

+ Kè Hiệp Thạnh, xã Hiệp Thạnh: Đoạn 200 m rọ đá mới thi công hoàn thành bị sạt trượt mái rọ đá từ 2- 4m với chiều dài 100 m đã chỉ đạo khắc phục sạt lở.

+ Kè Cồn Trứng, xã Trường Long Hòa (giai đoạn I) có nhiều vị trí bị sụp lún gây vỡng các bậc tam cấp chiều dài khoảng 100m. các vị trí lún tập trung trên thân kè (mặt tam cấp thứ 6,7,8 tính từ trên xuống).

d) Công tác xây dựng cơ bản: Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện của 29 dự án (08 dự án hoàn thành, 19 dự án chuyển tiếp và 02 dự án khởi công mới), gồm: 07 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 13 công trình đê, kè; 09 công trình dân dụng, đã giải ngân 2,44 tỷ đồng đạt 2,1% kế hoạch (vốn năm 2018).

e) Công tác quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP), quản lý tàu cá và thanh tra, kiểm tra:

- Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, VSATTP trong dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất: Kiểm tra, đánh giá 42 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm dịch vụ ăn uống trên địa bàn huyện Châu Thành, Trà Cú và thành phố Trà

Vinh, kết quả: 21 cơ sở có sai lỗi chủ yếu về thủ tục hành chính như cơ sở không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP, không có giấy xác nhận đủ sức khỏe, giấy xác nhận kiến thức ATTP, hợp đồng mua bán nguyên liệu và thực phẩm. Đồng thời, đã tiến hành tiêu hủy sản phẩm tại chỗ: 8kg bánh các loại, 27 lít nước ngọt và 3.240ml sữa do hết hạn sử dụng; kiểm tra, thẩm định, định kỳ 30 cơ sở về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm, kết quả 13 cơ sở xếp loại A, 17 cơ sở xếp loại B; cấp 13 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản và 16 giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm. Nâng tổng số đến nay đã kiểm tra 42 cơ sở, kinh doanh thực phẩm dịch vụ ăn uống, có 21 cơ sở có sai lỗi về thủ tục hành chính; kiểm tra, thẩm định định kỳ 67 cơ sở về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm có 36 cơ sở xếp loại A, 31 cơ sở xếp loại B; cấp 26 Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản và 31 Giấy xác nhận kiến thức ATTP.

Tổ chức thu 78 mẫu nông sản thực phẩm để phân tích, kiểm nghiệm giám sát dư lượng chất độc hại. Nâng tổng số đã thu 84 mẫu (27 mẫu thủy sản khô, 14 mẫu trà, 04 mẫu cà phê, 27 sản phẩm từ thịt, 12 mẫu rau củ quả tươi). Qua kết quả phân tích, kiểm nghiệm phát hiện: 02 mẫu không đạt (01 mẫu cá khô nhiễm Trichlofon, 01 mẫu lựu nhiễm Natri Benzoat); 06 mẫu (04 mẫu nước biển, 02 mẫu nghêu). Qua kết quả kiểm nghiệm các mẫu đủ điều kiện thu hoạch và tiêu thụ.

Tổ chức tập huấn, hướng dẫn 14 hộ chăn nuôi đeo vòng nhận diện cho heo khi tham gia Đề án truy xuất nguồn gốc trên địa bàn huyện Tiểu Cần và Cầu Ngang.

- Quản lý tàu cá, cảng cá:

+ Kiểm tra an toàn kỹ thuật 39 tàu, cấp phép đóng mới, cải hoán 10 tàu, đăng ký 16 tàu, cấp 26 sổ danh bạ (136 thuyền viên), cấp 32 giấy phép khai thác thủy sản. Nâng tổng số đã kiểm tra an toàn kỹ thuật 153 tàu, cấp phép đóng mới, cải hoán 48 tàu, đăng ký 55 tàu, cấp 62 sổ danh bạ (293 thuyền viên), cấp 117 giấy phép khai thác thủy sản. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.197 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 135.353 CV (294 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

+ Tổ chức thu phí 1.318 tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.791 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 78,9 triệu đồng. Nâng tổng số đã thu phí 2.163 tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 2.900 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 124,4 triệu đồng.

- Công tác thanh tra, kiểm tra: Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm trong dịp tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018, hoạt động giết mổ, vận chuyển, buôn bán động vật, sản phẩm động vật, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản đối với 113 cơ sở, phương tiện vận chuyển, lấy 09 mẫu (05 mẫu thuốc thú y, 02 mẫu thức ăn chăn nuôi, 02 mẫu thức ăn bổ sung) để kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Ra quyết định xử phạt 09 trường hợp vi phạm theo đúng quy định pháp luật (07 trường hợp vận chuyển giống thủy sản không có giấy chứng nhận kiểm dịch

động vật; 01 trường hợp vận chuyển giống thủy sản vượt quá 10% số lượng ghi trong giấy chứng nhận kiểm dịch; 01 trường hợp phá rừng trái pháp luật).

f) Công tác chuyên giao, ứng dụng Khoa học kỹ thuật và công tác giống.

- Tiếp tục theo dõi 12 mô hình gồm: Mô hình trồng bắp lai 12 ha, chăn nuôi gà sinh sản theo hướng ATSH quy mô 2.020 con, chăn nuôi vịt đẻ trứng kết hợp nuôi cá theo hướng ATSH quy mô 1.010 con, xây dựng và nhân rộng mô hình giảm lượng hạt giống gieo sạ trong sản xuất lúa quy mô 30 ha, trồng đậu xanh trên đất lúa kém hiệu quả quy mô 14 ha, nuôi gà Ai cập chuyên trứng quy mô 1.810 con, nuôi cua luân canh trong ao tôm sú và tôm thẻ quy mô 02 ha, nuôi sò huyết ven sông quy mô 0,2 ha, nuôi vọp dưới tán rừng quy mô 0,3 ha, xây dựng mô hình sản xuất, chế biến bảo quản thức ăn thô xanh cho chăn nuôi đại gia súc thích ứng với biến đổi khí hậu, sản xuất hai giống lúa THÁI DƯƠNG 9898 (OM 345:180kg) & SUPER JASMINE 9999 (OM 375: 180 kg) trong vụ Đông Xuân 2017 – 2018 tại tỉnh; tiếp tục triển khai thực hiện 02 dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao quy mô 80 con bò sinh sản (đang chọn hộ để tiến hành dự án), Chuyên giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nhân giống và trồng cam sành không hạt chất lượng cao tại quy mô 20 ha (đã trình xin phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm vật tư, máy móc thiết bị).

- Công tác giống:

+ Giống cây trồng: Vụ Đông Xuân 2018 sản xuất 8,9 ha giống lúa OM 5451 cấp xác nhận 1 lúa đang giai đoạn đòng, trổ; cung ứng 3,5 tấn lúa giống xác nhận 1 và 43 cây giống các loại. Nâng tổng số đã cung ứng 4,43 tấn lúa giống xác nhận 1 và 303 cây giống các loại; mô hình trồng bưởi da xanh (S1) tạo nguồn cây đầu dòng, đã trồng được 143 ngày, cây phát triển tốt; mô hình trồng ớt ở xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải và xã Thuận Hoà huyện Cầu Ngang với diện tích 45 ha, Công ty TNHH hạt giống Vạn Phát đầu tư giống và thu mua toàn bộ sản phẩm đầu ra, đến nay đã thu hoạch 3,57 tấn.

+ Giống thủy sản: Chăm sóc 150 con giống bố mẹ tôm càng xanh và 428 con tôm cái và đàn cá tra bố mẹ.

+ Giống vật nuôi: Tiếp tục chăm sóc mô hình “chăn nuôi gà tàu vàng thả vườn sinh sản (dòng bố mẹ) được 165 ngày tuổi, tỷ lệ đẻ trứng khoảng 35%.

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Bên cạnh những mặt đạt được trong sản xuất nông nghiệp và thực hiện các nhiệm vụ của ngành còn gặp những tồn tại, hạn chế sau:

- Do đây là tháng nằm trong dịp Tết Nguyên đán nên một số hoạt động sản xuất và chuyên môn có chậm hơn so với cùng kỳ.

- Giá đầu ra hầu hết các sản phẩm chăn nuôi thấp người chăn nuôi không có lãi nên không tiếp tục tái đàn.

- Bệnh Đạo ôn lá, bạc lá và chuột gây hại ở giai đoạn đòng trổ có khả năng ảnh hưởng đến năng suất lúa Đông Xuân.

III. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG 03

1. Chỉ đạo sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Nông nghiệp:

- Trồng trọt: Thống kê lại diện tích thu hoạch lúa Đông Xuân 2018, vận động người dân sau kho thu hoạch lúa Đông Xuân thực hiện cày ải để cải tạo đất chuẩn bị xuống giống vụ Hè Thu; theo dõi chặt chẽ các điểm dự tính, dự báo trên các loại cây trồng để thông báo và hướng dẫn nông dân phòng trị; vận động nông dân thường xuyên thăm đồng để phát hiện và phòng trị các loại sâu bệnh, đặc biệt là bệnh bạc lá, đạo ôn, rầy nâu,... Tổ chức tập huấn phòng, trừ sâu bệnh và triển khai các mô hình sinh thái.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Hướng dẫn nông dân chăm sóc, phòng trị các loại sâu bệnh gây hại, thống kê diện tích, sản lượng vụ màu Đông Xuân 2017 – 2018, vận động nông dân lựa chọn một số loại màu, cây công nghiệp ngắn ngày có thị trường tiêu thụ để sản xuất trên diện tích trồng lúa ở những nơi có điều kiện nước tưới.

- Chăn nuôi: Tập trung quản lý đàn vật nuôi; kiểm tra giám sát dịch bệnh; vận động hộ chăn nuôi ký cam kết tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm, đặc biệt là những điểm chăn nuôi tập trung và ổ dịch cũ.

b) Lâm nghiệp: Hoàn thành dự án triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển rừng bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh; tiếp tục triển khai thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ; kiểm tra và ngăn chặn các hành vi xâm hại đến động vật rừng; tăng cường công tác Quản lý bảo vệ rừng và tuần tra, kiểm soát lâm sản kịp thời ngăn chặn các vụ vi phạm pháp luật bảo vệ và phát triển rừng; xây dựng kế hoạch kiểm tra các cơ sở sản xuất giống, gây nuôi động vật hoang dã; tổ chức tuyên truyền pháp luật về quản lý, bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng đến người dân sống tiếp giáp với rừng; kết hợp với Viện, Trường nghiên cứu phòng trị bệnh trên cây phi lao.

c) Thủy sản: Hoàn chỉnh kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển thủy sản bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh; hoàn chỉnh và ban hành các quy trình kỹ thuật nuôi một số con nuôi thủy sản chủ lực; tăng cường cán bộ bám địa bàn các xã của huyện Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải nắm tình hình thả nuôi tôm thẻ theo hình thức siêu thâm canh và hướng dẫn người nuôi thực hiện đúng quy trình kỹ thuật; tiếp tục quan trắc cảnh báo môi trường nước phục vụ tốt cho vụ nuôi năm 2018.

d) Phát triển nông thôn: Bàn giao các thiết bị, máy móc hỗ trợ người dân trong việc phát triển làng nghề; theo dõi tình hình sản xuất và tiêu thụ muối trên địa bàn 02 xã Dân Thành và Đông Hải, huyện Duyên Hải; báo cáo định kỳ về Bộ Nông nghiệp và PTNT; Xây dựng kế hoạch, nội dung chuẩn bị tập huấn kinh tế hợp tác năm 2018; Triển khai nguồn vốn hỗ trợ xây dựng HTX kiểu mới (nguồn vốn 1.300 triệu đồng); báo cáo tiến độ xây dựng HTX nông nghiệp kiểu mới theo quy định gửi Cục Kinh tế Hợp tác; xây dựng kế hoạch phối hợp với địa phương hỗ trợ THT sản xuất theo mô hình công nghệ cao.

2. Công tác chuyên ngành:

- Công tác chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật: Tổ chức 25 lớp tập huấn về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; tiếp tục theo dõi các mô hình khuyến nông năm 2017 còn lại, 01 cuộc hội thảo, tham quan mô hình phục tráng

và chọn giống đậu phộng tại ấp Ô Răng, xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang; cấp vật tư, phân bón mô hình xây dựng và nhân rộng mô hình giảm lượng hạt giống gieo sạ trong sản xuất lúa; xây dựng các dự án thuộc chương trình vốn sự nghiệp năm 2018; Hoàn chỉnh Chương trình khuyến nông trọng điểm trên địa bàn tỉnh theo định hướng cây con chủ lực của tỉnh.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền hướng dẫn công tác quản lý chất lượng và phổ biến các quy định về an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản cho các cán bộ quản lý tại địa phương hộ sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng; tiếp nhận và hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản; thu mẫu kiểm soát ATVS vùng thu hoạch nhuyễn thể 2 mảnh vỏ, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông sản, thủy sản. Đồng thời, tổ chức xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản, thủy sản đã đăng ký; lựa chọn các sản phẩm đặc thù, chủ lực của tỉnh tham gia chương trình “Nông nghiệp sạch cho người Việt Nam, cho Thế giới” do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết hợp Đài Truyền hình Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh, ương dưỡng, vận chuyển giống thủy sản và việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

- Đôn đốc các địa phương ra quân thực hiện thủy lợi nội đồng năm 2018; Theo dõi sát tình hình xâm nhập mặn, công tác phòng chống hạn mặn của địa phương, kịp thời tham mưu Sở các biện pháp chỉ đạo bảo vệ sản xuất; dự thảo quy định phân cấp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội và theo Nghị định 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của chính phủ; triển khai điều tra, cập nhật bộ chỉ số theo dõi và đánh giá Nước sạch và VSMTNT.

- Thành lập đoàn công tác làm việc với các huyện rà soát kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp năm 2018 và những năm tiếp theo.

3. Tổ chức thực hiện:

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Huyền Hiệp Nữ



BÁO CÁO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN
THÁNG 02 NĂM 2018 (đến ngày 15/2/2018)

Mã số	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2018	Thực hiện Tháng 02	Ước TH 02 tháng năm 2018	% so sánh với		
						Cùng kỳ	Kế hoạch	
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
I.	TRỒNG TRỌT							
1	Cây hàng năm							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	123.969	191.400	11.181	162.352	130,96%	84,82%
1.1	Cây lương thực có hạt							
	Cây lúa	Ha	123.969	136.000	5.566	147.283	118,81%	108,30%
	Vụ Thu Đông-mùa 2016-2017							
	- DT gieo sạ	ha	64.053,7	76.000		80.899	126,30%	106,45%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	61.058,9	76.000		80.899,00	132,49%	106,45%
	- Năng suất	Tạ/ha	48,00	52,25		47,89	99,77%	91,66%
	- Sản lượng	tấn	293.083	399.000		387.444	132,20%	97,10%
	Lúa mùa							
	- DT gieo sạ	ha	2.367	1.650		1.697	71,70%	102,85%
	- Diện tích thu hoạch	Ha			755	1.290		
	- Năng suất	Tạ/ha			4,44	4,486		
	- Sản lượng	tấn			3.352	5.787		
	Vụ Đông Xuân 2017							
	- Diện tích xuống giống	Ha	59.915	60.000	5.566	66.384	110,80%	110,64%
	- Năng suất	Tạ/ha		60,50				
	- Sản lượng	tấn		363.000				
	Cây màu							
	Diện tích gieo trồng	Ha	15.166	55.400	5.615	15.069	99,36%	27,20%
	Diện tích thu hoạch	Ha	77	55.400	65	1.115		2,01%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1.369,9	5.000	314,5	1.184,2	86,44%	23,68%
	- Diện tích thu hoạch	"	65,0	5.000	56,0	56,0	86,15%	1,12%
	- Năng suất	Tạ/ha	54,2	54,00	54,1	54,1	99,76%	100,13%
	- Sản lượng	Tấn	352,0	27.000	302,8	302,8	86,02%	1,12%
1.2.	Cây có củ							
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	211	1.200	48,5	192,0	91,18%	16,00%
	+ Diện tích thu hoạch	"	8	1.200	7	7	85,00%	0,57%
	+ Năng suất	Tạ/ha	160,0	158,33	160,3	160,3	100,18%	101,24%
	+ Sản lượng	Tấn	128,0	19.000,0	109,0	109,0	85,16%	0,57%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	197,5	950	48,8	161,5	81,76%	17,00%
	+ Diện tích thu hoạch	"	4,0	950	2,1	2,1	53,00%	0,22%
	+ Năng suất	Tạ/ha	150,0	157,89	150,9	150,9	100,63%	95,60%
	+ Sản lượng	Tấn	60,0	15.000	32,0	32,0	53,33%	0,21%
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	114	600	35,7	114,3	100,06%	19,04%
	+ Diện tích thu hoạch	"		600				
1.3.	Cây thực phẩm							
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	8.477	30.000	2.977	9.045	106,70%	30,15%
	+ Diện tích thu hoạch	"		30.000		1.050		

Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2018	Thực hiện Tháng 02	Ước TH 02 tháng năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Năng suất	Tạ/ha		228,00		227		
	+ Sản lượng	Tấn		684.000		23.800		
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	124	750	52	119	95,55%	15,81%
	+ Diện tích thu hoạch	"		750				
	+ Năng suất	Tạ/ha		17,33				
	+ Sản lượng	Tấn		1.300				
1.4	Cây công nghiệp hàng năm		3.984,7	16.900	2.140	3.550	89,09%	21,00%
	Đậu phộng	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.262	5.200	1.148	2.327	102,88%	44,75%
	+ Diện tích thu hoạch	"		5.200				
	+ Năng suất	Tạ/ha		51,54				
	+ Sản lượng	Tấn		26.800				
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	996,8	5.600	418	523	52,45%	9,34%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"		5.600				
	+ Năng suất	Tạ/ha		1.100				
	+ Sản lượng	Tấn		616.000				
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	726,21	2.500	266	700	96,40%	28,00%
	+ Diện tích thu hoạch	"		2.500				
	+ Năng suất	Tạ/ha		110,00				
	+ Sản lượng	Tấn		27.500				
1.5	Cây trồng khác	"						
	DT gieo trồng	ha	688	3.600	308	704	102,27%	19,56%
	DT thu hoạch	ha		3.600				
2	Cây lâu năm							
II	CHĂN NUÔI							
B	LÂM NGHIỆP							
1.	Lâm sinh							
1.1.	DT rừng trồng tập trung	Ha						
	<i>Trong đó:</i>							
	- Rừng phòng hộ	"						
	- Rừng đặc dụng	"						
	- Rừng sản xuất	"						
	DT trồng lại sau khai thác	Ha						
1.2.	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha						
1.3.	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha						
1.4.	DT giao khoán bảo vệ	Ha						
1.5.	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây						
2.	Khai thác							
	- Sản lượng gỗ khai thác	m ³						
	<i>Trong đó: Gỗ rừng trồng</i>	"						
C	DIỆM NGHIỆP							
D	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	17.470	52.000	5.367	8.977	51,38%	17,26%
1.1	Nuôi nước ngọt	"	353	3.500	77	195	55,43%	5,58%
	- Diện tích nuôi cá	"	183,30	1.500	77	167	91,34%	11,16%

Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2018	Thực hiện Tháng 02	Ước TH 02 tháng năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	-	50	0	1		1,06%
	+ Cá lóc	"	66	270	14	33	50,08%	12,31%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	169	2.000	-	28	16,54%	1,40%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	169	2.000	-	28	16,54%	1,40%
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	17.117	48.500	5.290	8.781	51,30%	18,11%
	- Diện tích nuôi cá							
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...							
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	17.032	47.500	5.290	8.781	51,56%	18,49%
	Trong đó: + Tôm sú	"	9.128	22.000	4.792	7.789	85,33%	35,41%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	941	7.500	488	797	84,72%	10,63%
	+ Cua biển	"	6.963	18.000	10	195	2,80%	1,08%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"	85	1.000	-			0,00%
2.	Thể tích nuôi lồng, bè	m³						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
3.	Sản lượng con giống sản xuất	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	19.823	201.600	10.258	20.300	102,41%	10,07%
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	9.238	126.900	4.715,9	8.822	95,50%	6,95%
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	6.808	71.300	2.979	5.815	85,42%	8,16%
	- Sản lượng cá	"	6.468	70.000	2.875	5.545	85,74%	7,92%
	Trong đó: + Cá tra	"	1.113	23.500	-	107		0,46%
	+ Cá lóc	"	3.445	30.000	1.921	3.532	102,55%	11,77%
	- Sản lượng giáp xác	"	340	1.300	103	270	79,29%	20,77%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	340	1.300	103	270	79,29%	20,77%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
4.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	2.429	55.600	1.737	3.007	123,76%	5,41%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...							
	- Sản lượng tôm nuôi	"	2.152	52.500	1.680	2.919	135,68%	5,56%
	Trong đó: + Tôm sú	"	493	11.800	340	558	113,08%	4,73%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	1.328	33.500	1.203	2.058	154,91%	6,14%
	+ Nuôi cua biển	"	330	7.200	137	304	92,05%	4,22%
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	278	3.100	58	87	31,39%	2,81%
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	10.585	74.700	5.542	11.479	108,44%	15,37%
4.2.1	Khai thác biển	Tấn	8.863	63.100	4.536	9.614	108,47%	15,24%
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	4.403	26.000	2.215	4.403	99,99%	16,93%
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	1.057	8.100	644	1.425	134,78%	17,59%
	Trong đó: - Tôm...	"						

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2018	Thực hiện Tháng 02	Ước TH 02 tháng năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- ...	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	3.403	29.000	1.676	3.787	111,27%	13,06%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	1.722	11.600	1.006	1.865	108,29%	16,07%
	Trong đó: - Cá các loại	"	909	5.500	416	836	92,02%	15,20%
	- Tôm các loại	"	586	3.500	481	813	138,59%	23,22%
	- Nhuyễn thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Thủy sản khác	"	227	2.600	110	216	95,13%	8,30%
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm sú</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	7.260		1.880	5.586	76,94%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	489		64	153	31,29%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	9.128		2.733	7.789	85,33%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	213		32	71	33,21%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	553.597		365.738	366.029	66,12%	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	44.649		15.943	15.952	35,73%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	8		4	4	54,04%	
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	2.291		580	2.263	98,78%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	487		88	322	66,12%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	941		28	797	84,72%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	184		40	127	69,17%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	490		55	494	100,76%	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	97		24	77	78,87%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	20		43	16	78,28%	